BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 123 /BC-BTTTT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SỐ 11/2014/QĐ-TTg VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

I.1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (Quỹ) được thành lập theo quy định của Luật Viễn thông và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ TTTT), được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 191/2004/QĐ-TTg ngày 08/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 để hỗ trợ thực hiện chính sách của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên phạm vi cả nước. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ được quy định như sau:

a) Tổ chức bộ máy quản lý: Quỹ có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Chức năng: Quỹ thực hiện 02 chức năng chính

- Thực hiện chức năng quản lý tài chính để hỗ trợ kinh phí kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích cho việc triển khai thực hiện chính sách của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

- Phối hợp với các đơn vị của Bộ TTTT quản lý, điều phối thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích."

c) Nhiệm vụ: Quỹ thực hiện các nhiệm vụ cơ bản như sau

- Tiếp nhận đóng góp từ các doanh nghiệp viễn thông, viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác;

- Hỗ trợ tài chính thông qua cấp phát kinh phí để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

- Tổ chức triển khai kế hoạch đóng góp và hỗ trợ tài chính của Quỹ hiệu quả và đúng tiến độ;

- Quản lý nguồn thu, chi và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí do Quỹ hỗ trợ.

d) Chế độ tài chính: Chế độ tài chính của Quỹ, bao gồm cả lương, thưởng, phúc lợi, thực hiện theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

2. Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 mang lại những cơ hội lớn để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Tuy nhiên, hiện vẫn tồn tại khoảng cách số giữa các vùng miền, giữa các nhóm dân cư do doanh nghiệp viễn thông chưa sẵn sàng cung cấp dịch vụ tại tất cả các địa bàn, người dân còn gặp khó khăn về kinh tế khi chi trả dịch vụ. Vì vậy, vai trò điều tiết, quản lý của Nhà nước thông qua chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện bởi Quỹ là hết sức quan trọng nhằm thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, miền và người dân trên cả nước, gắn kết người dân với nền kinh tế số, xã hội số.

3. Trong thời gian qua, Bộ TTTT có nhiều định hướng lớn về phát triển ngành thông tin và truyền thông như phát triển Chính phủ số, hạ tầng số, xã hội số.... nhằm đảm bảo thể chế hóa kịp thời các chủ trương lớn của Đảng tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII liên quan đến lĩnh vực viễn thông.

4. Chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn tới được thiết kế để hỗ trợ hiện thực hóa các mục tiêu về Chính phủ số, chuyển đổi số, hỗ trợ cung cấp dịch vụ truy nhập Internet cố định, dịch vụ thông tin di động tại tất cả các địa bàn trên phạm vi cả nước; hỗ trợ các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục; hộ nghèo, ngư dân trên biển được sử dụng dịch vụ viễn thông. Quá trình thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích có nhiều đổi mới, đặt biệt là đổi mới trong triển khai thực hiện phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông.

5. Mặc dù đã đạt được những kết quả khích lệ trong triển khai thực hiện, Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg về tổ chức và hoạt động của Quỹ đã bộc lộ những hạn chế bất cập, những khoảng trống cần được hoàn thiện như nguyên như một số nhiệm vụ chi không còn phù hợp với các nhiệm vụ chương trình cung cấp viễn thông công ích giai đoạn tới; nguyên tắc hỗ trợ của Quỹ quy định quá chi tiết cụ thể trong khi Luật Viễn thông đã quy định đầy đủ dẫn đến giảm tính linh hoạt trong điều hành chi của Quỹ; tỷ lệ trích số thu đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ để chi cho hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ cao...

I.2. Mục tiêu xây dựng chính sách

1. Thể chế hóa kịp thời các chủ trương của Đảng và Nhà nước chính sách dịch vụ viễn thông công ích.

2. Tháo gỡ những tồn tại, bất cập về hoạt động của Quỹ đảm bảo sự hoạt động ổn định, bền vững, linh hoạt của Quỹ.

3. Góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số của Chính phủ và xây dựng nền kinh tế số tại Việt Nam.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

II.1. Xác định chính sách

Để đạt được mục tiêu ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Bộ TTTT đã tiến hành xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách với sự đóng góp, tham gia của nhiều chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động tập trung vào các chính sách lớn, bao gồm:

Chính sách 1: Sự cần thiết ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

Chính sách 2: Sửa đổi, bổ sung hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

II.2. Nội dung đánh giá tác động đối với từng chính sách

1. Chính sách 1: Sự cần thiết ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

1.1 Xác định vấn đề bất cập

a) Chương cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 đã kết thúc, Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 đang được trình Chính phủ ban hành trong năm 2021 với nhiều thay đổi về nội dung, phương thức hỗ trợ... vì vậy cần sớm ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg để tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 đúng tiến độ, khắc phục các hạn chế của Chương cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

b) Về nguồn thu của Quỹ

Hiện nay, nguồn kinh phí từ lãi tiền gửi tại Kho bạc nhà nước chưa được đưa vào nguồn thu của Quỹ để chi hỗ trợ thực hiện các chính sách của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Bên cạnh đó, tỷ lệ trích số thu đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ để chi cho hoạt động bộ máy quản lý Quỹ cao hơn so với thu - chi thực tế của Quỹ. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định về nguồn thu của Quỹ.

c) Về chế độ tài chính của Quỹ

Chế độ tài chính của Quỹ, bao gồm cả lương, thưởng, phúc lợi, thực hiện theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

Ngày 21/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó mức độ tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp được phận theo 4 mức độ: (i) tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; (ii) tự bảo đảm chi thường xuyên; (iii) tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; (iv) Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Hiện nay, nguồn tài chính đảm bảo các hoạt động của Quỹ được trích từ tối đa 5% kinh phí đóng góp của doanh nghiệp, không sử dụng ngân sách nhà nước, vì vậy để phù hợp với quy định hiện hành và thực tế hoạt động của Quỹ, cần thiết phải sửa đổi chế độ tài chính của Quỹ.

d) Về nội dung chi hỗ trợ tài chính

Nội dung chi hỗ trợ tài chính của Quỹ tại Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết, phù hợp và tương ứng theo nội dung hỗ trợ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020. Điều này dẫn đến sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nội dung chi hỗ trợ tài chính mỗi khi Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo từng thời kỳ được phê duyệt.

c) Về phương thức hỗ trợ

Hệ thống cơ sở pháp lý về đầu thầu, đặt hàng sản xuất và cung ứng dịch vụ công nói chung và dịch vụ công ích nói riêng ngày càng được hoàn thiện (Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019), do đó không cần quy định chi tiết phương thức hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, thiết bị đầu cuối, thực hiện theo các đề án, dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thông qua việc lựa chọn doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp sản xuất thiết bị đầu cuối hoặc phương thức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, thực hiện theo các chỉ tiêu sản lượng, định mức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mà chỉ cần quy định nguyên tắc để áp dụng hệ thống cơ sở pháp lý về đầu thầu, đặt hàng sản xuất và cung ứng dịch vụ công ích. Điều này đảm bảo tính ổn định và hiệu lực lâu dài cho quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

Mặc khác, phương thức hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025 có sự thay đổi từ hình thức lựa chọn doanh nghiệp (chủ đầu tư) thực hiện dự án sang hình thức lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định và dịch vụ thông tin di động mặt đất ở địa bàn mà chưa có doanh nghiệp nào có hạ tầng để cung cấp dịch vụ. Do vậy, các quy định về phương thức hỗ trợ tại Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 không phù hợp với phương thức của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn tới.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Việc xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hướng đến các mục tiêu sau:

Thứ nhất, sử dụng trong triển khai Chương trình viễn thông công ích đến năm 2025 theo định hướng của Chính phủ.

Thứ hai, làm cơ sở cho việc thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về cung cấp viễn thông công ích trên phạm vi cả nước.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

a) Phương án A: Giữ nguyên hiện trạng.

b) Phương án B: Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

1.4. Đánh giá tác động của từng phương án

1.4.1. Phương án A: Giữ nguyên hiện trạng

1.4.1.1. Tác động về kinh tế

a) Tác động tích cực (lợi ích)

- *Đối với Nhà nước:* Không làm phát sinh chi phí nghiên cứu ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

- *Đối với người dân, doanh nghiệp:* Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

b) Tác động tiêu cực

- *Đối với Nhà nước:* Không ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, sẽ gây khó khăn trong việc thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên phạm vi cả nước, vì đây là cơ sở để triển khai thực hiện các quy định về cung cấp dịch vụ viễn thông công được quy định tại Luật Viễn thông, Nghị định số 25/2011/NĐ-CP;

- *Đối với người dân, doanh nghiệp:* chính sách về hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích chậm trễ, không kịp thời.

1.4.1.2. Tác động về xã hội

a) Tác động tích cực

Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

b) Tác động tiêu cực

Các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích không được thể chế hóa kịp thời từ đó tạo ra dự luận không tốt trong quần chúng nhân dân trong việc triển khai các chủ trương lớn của Đảng và nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, không là động lực để thúc đẩy quá trình phát triển của chính phủ số, xây dựng nền kinh tế số.

1.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

1.4.1.4. Tác động về giới

Giải pháp này không có tác động về giới.

1.4.1.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

a) Tác động tích cực

Không phải mất chi phí để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

b) Tác động tiêu cực

Không thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

1.4.2 Phương án B: Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Lựa chọn Phương án B "Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam" sẽ có những tác động tích cực như sau:

- Hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở Việt Nam;

- Tác động trực tiếp tới hiệu lực, hiệu quả của nền kinh tế - xã hội; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số tại Việt Nam và hoạch định chính sách phát triển trong lĩnh vực viễn thông nói chung và viễn thông công ích nói riêng của Việt Nam;

- Góp phần nâng cao tính cạnh tranh của thị trường viễn thông Việt Nam, cũng như vị thế của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế như ASEAN, APT, APEC, ITU.

Về chi phí: Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính

phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam sẽ làm phát sinh các chi phí liên quan đến biên soạn Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các văn bản, tài liệu hướng dẫn áp dụng. Các chi phí như vậy là tối thiểu, cần thiết và không gây tốn kém quá nhiều cho ngân sách nhà nước.

1.4.3. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích đánh giá các tác động của chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn Phương án 1B "Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam" là phương án tối ưu nhất cả về lợi ích và chi phí so với Phương án A "Giữ nguyên hiện trạng".

2. Chính sách 2: Sửa đổi, bổ sung hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

2.1 Xác định vấn đề bất cập

a) Về nội dung chi hỗ trợ tài chính

Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg quy định 09 nội dung chi hỗ trợ tài chính của Quỹ, những nội dung chi này gắn với nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020. Việc gắn nhiệm vụ chi của Quỹ vào một chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đã kết thúc, không còn phù hợp đối với giai đoạn tới (khi mà định hướng chính sách, nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của nhà nước sẽ có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế). Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung chi của Quỹ theo hướng "mở" để thích ứng với nhiệm vụ tài trợ thực hiện chính sách về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng thời kỳ.

b) Về phương thức hỗ trợ

Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg đã quy định nội dung, phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ cụ thể cho từng nhiệm vụ. Trong khi đó, tùy từng thời kỳ, mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng hưởng lợi và phương thức tài trợ cụ thể sẽ quy định Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Vì vậy, cần sửa, bổ sung việc quy định nội dung, phương thức hỗ trợ tài chính theo hướng thực hiện theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để đảm bảo tính thích ứng, linh hoạt trong hoạt động của Quỹ.

c) Về chế độ tài chính đối với bộ máy quản lý Quỹ

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 180/2016/TT-BTC quy định cơ chế tài chính để đảm bảo hoạt động thường xuyên và chi đầu tư cơ sở vật chất

của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và chi cho hoạt động quản lý Chương trình viễn thông công ích. Trong đó đã quy định:

- Về mức chi tiền lương, tiền công: Quỹ chi trả tiền lương, tiền công theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp theo quy định. Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, Quỹ tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị.";

- Về xác định chênh lệch thu-chi: Hàng năm, sau khi đã chi đầy đủ các khoản chi để hoàn thành nhiệm vụ được giao và bố trí đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chưa hoàn thành phải chuyển sang năm sau thực hiện quy định; phần chênh lệch thu lớn hơn chi được xác định là số chênh lệch thu lớn hơn chi của Quỹ;

- Chênh lệch thu, chi sau khi trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ được "Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;";

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện đã gặp những vướng mắc, bất cập như sau:

- Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước nhưng Quỹ không có vốn điều lệ; hoạt động của Quỹ hiện nay chủ yếu là thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao về tiếp nhận, tài trợ thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của Nhà nước; quỹ không có nguồn thu từ hoạt động dịch vụ. Với hoạt động nêu trên, việc xác định chênh lệch thu - chi để làm căn cứ xác định thu nhập tăng thêm của Quỹ gặp rất nhiều khó khăn. Hằng năm, Bộ TTTT giao nhiệm vụ và dự toán chi cho Quỹ thực hiện, nhưng nhiệm vụ của Quỹ lại phụ thuộc vào tình hình thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng năm, không ổn định; nên cơ sở hình thành khoản chênh lệch thu - chi phụ thuộc vào việc giao nhiệm vụ, chất lượng lập dự toán, xác định khối lượng nhiệm vụ thực hiện; rất khó lượng hóa, đánh giá khối lượng nhiệm vụ hoàn thành hoặc hoàn thành một phần để xác định chênh lệch thu - chi trong năm và nguồn phải chuyển tiếp nguồn sang năm sau theo quy định. Chế độ tài chính của Quỹ, bao gồm cả lương, thưởng, phúc lợi, thực hiện theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm kinh phí hoạt động. Tuy nhiên, do Quỹ không có vốn điều lệ; hoạt động của Quỹ hiện nay chủ yếu là thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao về tiếp nhận, tài trợ thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của Nhà nước; quỹ không có nguồn thu từ hoạt động dịch vụ vì vậy, việc xác định chênh lệch thu - chi để làm căn cứ xác định thu nhập tăng thêm của Quỹ gặp rất nhiều khó khăn.

d) Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động bộ máy quản lý Quỹ

Kinh phí đảm bảo hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ được quy định trích tối đa 5% nguồn đóng góp hàng năm của doanh nghiệp, nên trong những năm Quỹ tập trung cho công tác làm quyết toán, không thu đóng góp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (như trường hợp dừng thu đóng góp năm 2020 để hỗ trợ các doanh nghiệp) thì không không có nguồn thu để trích cho hoạt động quản lý. Mặt khác, giai đoạn 2016-2020, việc sử dụng kinh phí cho quản lý Quỹ giai đoạn 2016-2020 chỉ vào khoảng 2,5% số thu đóng góp của doanh nghiệp viễn thông (chưa bao gồm chi thực hiện nhiệm của của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công do Quỹ và Ban quản lý Chương trình viễn thông công ích được giao trực tiếp thực hiện). Do đó, cần điều chỉnh giảm tỷ lệ trích cho phù hợp với thực tế.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Việc sửa đổi, bổ sung hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hướng đến các mục tiêu sau:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung chi của Quỹ theo hướng "mở" để thích ứng với nhiệm vụ tài trợ thực hiện chính sách về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng thời kỳ.

- Quỹ có chế độ tài chính phù hợp và mức thu nhập hợp lý cho cán bộ, viên chức, người lao động.

- Giảm tỷ lệ trích số thu đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông để chi cho hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ phù hợp với thực tế; Bổ sung nguồn thu để chi hỗ trợ thực hiện chính sách của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

a) Phương án A: Giữ nguyên hiện trạng;

b) Phương án B: Sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

2.4. Đánh giá tác động của từng phương án

2.4.1. Phương án A: Giữ nguyên hiện trạng

2.4.1.1. Tác động về kinh tế

a. Tác động tích cực (lợi ích)

- *Đối với Nhà nước:* Không làm phát sinh chi phí nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

- *Đối với người dân, doanh nghiệp:* Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

b. Tác động tiêu cực

- *Đối với Nhà nước:* Kinh phí Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo từng thời kỳ không được sử dụng một cách hiệu quả.

- *Đối với người dân, doanh nghiệp:*

Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, cũng như triển khai thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Người dân không được hưởng dịch vụ viễn thông công ích được hỗ trợ chi phí gián tiếp thông qua doanh nghiệp kịp thời.

2.4.1.2. Tác động về xã hội

a. Tác động tích cực

Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

b. Tác động tiêu cực

- Chính sách của nhà nước về hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến người dân chậm trễ.

- Không bổ trợ thúc đẩy các chính sách của nhà nước về Chính phủ số, chuyển đổi số và nền kinh tế số.

2.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

2.4.1.4. Tác động về giới

Giải pháp này không có tác động về giới.

2.4.1.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

a. Tác động tích cực

Không có tác đông tích cực nếu chọn giải pháp này.

b. Tác động tiêu cực

Nhà nước ban hành thêm các văn bản pháp quy về hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo từng thời kỳ.

2.4.2 Phương án B: Sửa đổi, bổ sung hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Hướng điều chỉnh: Đảm bảo tính ổn định, hiệu lực dài lâu về nội dung chi hỗ trợ và nguyên tắc hỗ trợ tài chính của Quỹ trên cơ sở áp dụng các quy định hiện hành về đầu thầu, đặt hàng sản xuất và cung ứng dịch vụ công nói chung và dịch vụ công ích nói riêng; Giảm dần mức trích từ nguồn đóng góp của

các doanh nghiệp viễn thông hàng năm để chi cho đầu tư cơ sở vật chất, hoạt động thường xuyên của Quỹ và cho hoạt động quản lý Chương trình viễn thông công ích theo từng thời kỳ; Xây dựng chế độ tài chính của Quỹ phù hợp với vai trò, vị trí của Quỹ trong việc tổ chức thực hiện chương trình viễn thông công ích giai đoạn tới trên cơ sở các quy định pháp luật của nhà nước, cụ thể:

- Sửa đổi Khoản 3 Điều 8 để xác định rõ nguồn kinh phí đảm bảo chi hoạt động của Quỹ, góp phần giảm nghĩa vụ đóng góp của doanh nghiệp và phản ánh đúng địa vị pháp lý của Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước, không có nguồn thu sự nghiệp, có nguồn thu từ hoạt động tài chính thấp và thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao. Cụ thể nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Quỹ được trích không quá 3% số thu đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ để chi hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ (bao gồm chi đầu tư cơ sở vật chất, hoạt động thường xuyên của Quỹ và các nhiệm vụ quản lý thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được cấp có thẩm quyền giao Quỹ thực hiện)."

- Sửa đổi Khoản 4 Điều 8 theo các định hướng sau

Do Quỹ không có nguồn thu dịch vụ, lao động của Quỹ là viên chức nhà nước; trong hoạt động, Quỹ thực hiện nhiệm vụ, thu, chi tài chính theo quyết định của cơ quan nhà nước. Do đó, công tác thu đóng góp của doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ và giải ngân, tài trợ cho thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của Quỹ tương tự hoạt của cơ quan thuế, cơ quan KBNN. Hiện nay, các cơ quan này được chi tiền lương không quá 1,8 lần và được chi bổ sung thu nhập không quá 0,2 lần, tổng số là không quá 02 lần (1+1) so với tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định (Quyết định số 54/2013/QĐ-TTg ngày 19/9/2013 và Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Để đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ của Quỹ, Bộ TTTT trình Thủ tướng Chính phủ cho phép Quỹ được áp dụng cơ chế tiền lương và bổ sung thu nhập như trên, tương tự như cơ quan thuế, KBNN.

Theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, thì đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi hoạt động không có Quỹ phúc lợi, khen thưởng. Xuất phát từ đặc thù của Quỹ là tham gia công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn tài chính của Quỹ ở vùng sâu, vùng xa. Để động viên, khuyến khích cán bộ, viên chức của Quỹ có thành tích tốt trong công tác và có nguồn chi phúc lợi cho người lao động làm việc tại Quỹ, Bộ TTTT trình Thủ tướng Chính phủ cho phép Quỹ hằng năm được trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Cụ thể nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Quỹ áp dụng cơ chế tài chính đối với hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên. Riêng chi tiền lương, tiền công; khen thưởng, phúc lợi đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Quỹ thực hiện như sau:

a) Chi về tiền lương, tiền công:

- Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị quyết số 27-NQ/TW), Bộ TTTT đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép Áp dụng chế độ tiền lương theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định và chi bổ sung thu nhập không quá 01 (một) lần mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định theo nguyên tắc gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có).

- Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW có hiệu lực thi hành: Thực hiện chế độ tiền lương như đối với đơn vị sự nghiệp công lập được nhà nước đảm bảo toàn bộ chi hoạt động và chi bổ sung thu nhập không quá 0,3 lần quỹ tiền lương cơ bản của cán bộ, công chức viên chức, người lao động trong Quỹ theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc từng người.

Quy chế chi trả bổ sung thu nhập được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

b) Quỹ được trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi như sau:

- Hoàn thành 100% kế hoạch nhiệm vụ được giao trở lên, được trích lập bằng 02 tháng quỹ tiền lương, tiền công thực hiện trong năm.

- Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% kế hoạch nhiệm vụ được giao trở lên, được trích lập bằng 1,5 tháng quỹ tiền lương, tiền công thực hiện trong năm.

- Hoàn thành dưới 70% kế hoạch nhiệm vụ được giao, được trích lập bằng 01 tháng quỹ tiền lương, tiền công thực hiện trong năm.

Bộ TTTT xác định và quyết định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Quỹ hàng năm làm căn cứ xác định mức trích lập 02 quỹ".

- Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d Khoản 1 Điều 9 để phù hợp với thực tế hiện nay là Quỹ đang nhận lãi tiền gửi tại KBNN đối với số dư tiền gửi tạm thời nhàn rỗi. Cụ thể nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

"c) Lãi tiền gửi tại Kho bạc nhà nước, các ngân hàng thương mại (nếu có);

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác."

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 10 Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để nội dung chi và nguyên tắc hỗ trợ tài chính của Quỹ có tính ổn định, kế thừa và hạn chế phát sinh việc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi theo từng thời kỳ. Cụ thể như sau:

Trước sửa đổi: "1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm:

a) Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung ưu tiên cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng đa dịch vụ tại các khu vực nông thôn, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và các khu vực mà doanh nghiệp viễn thông không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường.

b) Hỗ trợ việc bảo đảm quyền truy nhập dịch vụ viễn thông cho mọi người dân thông qua các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, nơi khó hoặc không thể triển khai hạ tầng mạng truy nhập đến cá nhân, hộ gia đình do chi phí đầu tư cao hoặc khả năng chi trả của người dân thấp.

c) Theo từng thời kỳ, hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác trên toàn quốc tiếp cận dịch vụ viễn thông công ích trên cơ sở hỗ trợ giá cước dịch vụ viễn thông thông qua doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hoặc trực tiếp đến người sử dụng dịch vụ.

d) Theo từng đề án, dự án cụ thể, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất thiết bị đầu cuối cung cấp thiết bị cho đối tượng được hỗ trợ thông qua việc đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch.

đ) Hỗ trợ trường học, bệnh viện, chính quyền cơ sở kết nối với hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng để ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, chữa bệnh, cung cấp dịch vụ hành chính công cho người dân.

e) Hỗ trợ việc cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông trong trường hợp khẩn cấp, phục vụ tìm kiếm cứu nạn, phòng, chống thiên tai và trợ giúp nhân đạo.

g) Hỗ trợ thực hiện Đề án số hóa truyền hình mặt đất.

h) Hỗ trợ bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông.

i) Các nội dung chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ".

Sau sửa đổi:

"1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm

a) Chi hỗ trợ thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

b) Chi cho hoạt động thường xuyên, đầu tư cơ sở vật chất của Quỹ và các nhiệm vụ quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do được cấp có thẩm quyền giao Quỹ trực tiếp thực hiện;

c) Các nội dung chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ."

- Bãi bỏ Điểm c, Khoản 2 Điều 10 Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam vì Luật viễn thông đã quy định đây là trách nhiệm của Bộ TTTT và để phù hợp với Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025. Cụ thể nội dung bãi bỏ như sau:

"c) Phương thức hỗ trợ:

- Đối với việc hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, thiết bị đầu cuối, thực hiện theo các đề án, dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thông qua việc lựa chọn doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp sản xuất thiết bị đầu cuối bằng các hình thức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch;

- Đối với việc hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, thực hiện theo các chỉ tiêu sản lượng, định mức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thông qua việc lựa chọn doanh nghiệp viễn thông bằng các hình thức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch hoặc trực tiếp đến người sử dụng dịch vụ".

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 13 vì Bộ TTTT đã hoàn thành.

2.4.2.1. Tác động về kinh tế

a. Tác động tích cực (lợi ích)

- Đối với Nhà nước: Kinh phí thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo từng thời kỳ sử dụng kịp thời, phát huy hiệu quả tích cực đối với phát triển kinh tế xã hội vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo; hỗ trợ hoàn thành mục tiêu chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2025; hỗ trợ thực hiện Chính phủ số và xây dựng nền kinh tế số.

- Đối với người dân, doanh nghiệp:

Tiến độ và thủ tục thực hiện tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của doanh nghiệp được ổn định và rút ngắn.

Tỷ lệ trích số thu đóng góp tài chính của doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ để chi cho hoạt động quản lý Quỹ giảm, làm tăng nguồn chi thực hiện hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Người dân được hưởng dịch vụ viễn thông công ích được hỗ trợ chi phí gián tiếp thông qua doanh nghiệp kịp thời.

b. Tác động tiêu cực

Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

2.4.2.2. Tác động về xã hội

a. Tác động tích cực

Chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được phát triển bền vững, mang tính kế thừa.

Góp phần nâng cao tính cạnh tranh của thị trường viễn thông Việt Nam, cũng như vị thế của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế như ASEAN, APT, APEC, ITU.

b. Tác động tiêu cực

Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

2.4.2.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

2.4.2.4. Tác động về giới

Giải pháp này rút ngắn khoảng cách số giữa các thế hệ và giữa các giới.

2.4.2.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

a. Tác động tích cực

Đảm bảo tính kế thừa, ổn định và nhất quán trong chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của Nhà nước.

b. Tác động tiêu cực

Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

2.4.2.6. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích đánh giá các tác động của chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ TTTT đề xuất lựa chọn Phương án B "Sửa đổi, bổ sung hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam" là phương án tối ưu nhất cả về lợi ích và chi phí so với Phương án A "Giữ nguyên hiện trạng".

III. LẤY Ý KIẾN

Bộ Thông tin và Truyền thông đã trực tiếp tham khảo ý kiến của các chuyên gia viễn thông, chuyên gia tài chính, các cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực viễn thông công ích và một số chuyên gia có kinh nghiệm trong hoạt động đánh giá tác động chính sách; tham khảo thông tin, sử dụng dữ liệu từ một số trang web.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Bộ TTTT chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện các chính sách tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam. Trong quá trình thực thi các chính sách quy định tại Quyết định này, nếu có phát sinh vướng mắc, Bộ TTTT có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và đề xuất Thủ tướng Chính phủ hướng xử lý./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn;
- Các Vụ: TCCB, PC;
- Quỹ Dịch vụ VTCIVN;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Phạm Đức Long